TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Chí P, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: số 521, tổ 15 ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Phạm Thị T (tên khác: N), sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. *Người làm chứng*: Ông Lê Văn K, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Chí P, trình bày: Anh và chị T cưới nhau vào năm 2016, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới anh và chị T cùng sinh sống bên gia đình chị T một thời gian rồi anh xuống tỉnh Tiền Giang buôn bán làm ăn, cuộc

sống vợ chồng lúc đầu cũng hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, anh và chị T thường xuyên bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có mâu thuẫn nhau, chị T nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác nên đã ghen tuông vô cớ, đến nhà trọ anh sinh sống la lối um xùm, đập phá đồ đạc của anh, chị T, chị vợ, dì vợ còn đến nơi anh làm ăn quậy làm anh mất uy tín, danh dự không thể làm ăn được. Đồng thời, chị vợ tên Phạm Thị N còn dùng những lời nói khó nghe đối với anh. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Việc chị T trình bày trong nhà của anh có đồ đạc vật dụng cá nhân của phụ nữ nên chị T nghi ngờ anh có người phụ nữ khác là không đúng, đó là của những người làm thuê cho anh, họ thường sử dụng nhà vệ sinh chung nên để đồ đạc cá nhân, quần áo tại nơi anh ở, khi chị T và con chung đến nhà trọ nơi anh ở thì anh vẫn cho mẹ con chị T vào nhà bình thường. Anh và chị T không còn sống chung từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng khuyên bảo, tạo điều kiện cho anh và chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T cũng nhiều lần năn nỉ anh nhưng anh nhận thấy không còn tình cảm với chị T, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không tin tưởng nhau nên không đồng ý đoàn tụ với chị T. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị T, trình bày: Chị và anh P cưới nhau vào 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới chị và anh P cùng sinh sống cùng gia đình chị, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, anh P đi làm ăn ở Tiền Giang chị và con chung đến thăm thì anh P không cho mẹ con chị vào nhà, trong căn nhà anh P ở có đồ đạc vật dụng cá nhân của phụ nữ như quần áo (bộ đồ), nón bảo hiểm, nước rửa phụ khoa nên chị tức giận cự cãi với anh P, sau đó dì và chị ruột của chị có đến nơi anh P làm ở Tiền Giang để nói chuyện, mục đích là để kiểm tra, xác minh anh P có người phụ nữ khác không, chứ gia đình người thân chị không có cự cãi hay la ó um sùm, không có dùng lời lẽ khó nghe cũng như chửi anh P, chị không có đập xe tải của anh P. Ngoài ra, vợ chồng chị không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau, chị nhiều lần năn nỉ anh P để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P không đồng ý, kiên quyết ly hôn với chị. Nay anh P yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, vì còn thương anh P.

2. Về nuôi con chung: Anh P và chị T thống nhất trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung là con gái Lê Ngọc Lan A, sinh ngày 28/02/2017. Hiện con

chung đang sống cùng chị T, anh P thống nhất giao con chung Lan A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Anh P và chị T thống nhất trình bày: Vợ chồng lúc đầu có mua được chiếc xe tải, có trọng tải 2,4 tấn 90kg, biển số kiểm soát 66H-00261 để làm ăn, do hai bên mâu thuẫn nên chị T và gia đình hai bên kêu bán xe tải để vợ chồng chia và ly hôn, tiền bán xe tải được 320.000.000đ, anh P và chị T đã chia mỗi người phân nửa nên tài sản chung hiện không còn, vì tài sản chung vợ chồng đã tự thỏa thuận chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án. Chị T trình bày chị và anh P thống nhất bán xe tải, chia tiền không làm ăn nữa nhưng chị không có kêu anh P bán xe để chia tiền và ly hôn.

4. Về nợ chung: Anh P và chị T thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh P, chị T thống nhất trình bày: Anh P có nợ dì của chị T 35.000.000đ, đây là phần nợ riêng của anh P, không phải là nợ chung của vợ chồng và anh P thống nhất, tự thỏa thuận trả cho dì của chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai 05/5/2022 và tại phiên tòa người làm chứng ông Lê Văn K, trình bày: Ông là cha ruột của anh P, cha chồng chị T, không có mâu thuẫn với hai bên. Vợ chồng ông rất thương chị T. Chị T khi nói chuyện với anh P thường xưng hô mày tao, ông thường xuyên góp ý để chị T sửa chữa khuyết điểm nhưng chị T không chịu sửa chữa cách nói chuyện và xưng hô mày tao với chồng. Vợ chồng anh P cũng thường xuyên cự cãi nhau, vì chị T nghi ngờ anh P có người phụ nữ khác. Anh P làm ở Tiền Giang chị T ghen tuông nên đến chỗ anh P làm đập xe tải, la ó um xùm rồi anh P, chị T cùng đem xe tải đi bán và chia tiền nhau. Ngoài ra, vợ chồng anh P không còn mâu thuẫn nào khác. Việc anh P yêu cầu ly hôn với chị T thì ông không muốn các con phải ly hôn, không muốn cháu nội sau này khổ nhưng càng ngày ông thấy chị T, anh P càng mâu thuẫn nhiều hơn, do bất đồng ý kiến nên tùy anh P quyết định chuyện hôn nhân của mình. Anh P và chị T có một con chung là con gái tên Lê Ngọc Lan A, sinh ngày 28/02/2017, hiện đang sinh sống cùng chị T, việc anh P thống giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, ông cũng thống nhất, vì hai gia đình cũng ở gần nhau, cháu nội thì ông vẫn thương yêu bình thường. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh P, chị T thì không có. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy

định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Xét thấy anh P và chị T cưới nhau vào khoảng 2015-2016 và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xét sau khi cưới, anh P đi Tiền Giang để làm ăn và có thuê nhà trọ ở lại, anh P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính khiến anh phải ly hôn là do chị T và người thân của chị xuống tận Tiền Giang để đập phá đồ đạc, đập xe tải, chửi mắng làm anh mất uy tín, danh dự nên anh kiên quyết ly hôn, mặc dù chị T vẫn còn thương anh, không đồng ý ly hôn.

Theo lời khai của chị T có thừa nhận cùng con gái Lan A sinh ngày 28/02/2017 xuống Tiền Giang để thăm chồng là anh P. Tuy nhiên, khi tới nơi thì anh P không cho chị T vào nhà; Đến khi chị T vào được nhà thì phát hiện trong phòng anh P có 01 bộ đồ của phụ nữ, 01 nón bảo hiểm, 01 chai vệ sinh phụ nữ nên chị T tức giận cự cãi với anh P. Sau lần cự cãi thì chị T đã nhiều lần năn nỉ anh P bỏ qua để đoàn tụ nhưng anh P vẫn kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa anh P cho rằng trước vài ngày mở phiên tòa thì anh có đến thăm con và gặp chị T nhưng anh P không còn tình cảm gì với chị T nữa; đồng thời khoảng 02 tháng nay anh và chị T đã sống ly thân, ai cũng có cuộc sống riêng, tiền ai nấy xài, không còn quan tâm đến nhau nữa; Cũng tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như Kiểm sát viên động viên, phân tích cho anh P hậu quả của việc ly hôn để anh đoàn tụ cùng chị T nhưng anh P vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của đôi bên, là sự thông cảm, sự thủy chung và chia sẻ, sẵn sàng tha thứ cho nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc của mình và tương lai cho con trẻ; Nhận thấy anh P nhận thức được điều này nhưng vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vậy nên chấp nhận cho anh Lê Chí P được ly hôn với chị Phạm Thị T (tên gọi khác: N).

+ Về con chung: 01 con chung tên: Lê Ngọc Lan A sinh ngày 28/02/2017. Hiện con chung Lan A đang sống với chị T. Anh P thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Chị T cũng thống nhất, xét sự thỏa thuận là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh P và chị T.

+ Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Chí P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị T. Hiện chị T đang cư trú tại ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Chí P và chị Phạm Thị T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/01 ngày 06/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét, yêu cầu ly hôn của anh Lê Chí P là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống anh P, chị T đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh P, chị T đoàn tụ nhưng anh P vẫn cương quyết ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn, không tin tưởng nhau nên chung sống không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh P, chị T đều thừa nhận hiện anh, chị không còn sống chung với nhau và chị T nhiều lần năn nỉ anh P về sống cùng chị T nhưng anh P vẫn không đồng ý. Tại phiên tòa chị T lúc trình bày thống nhất ly hôn với anh P, lúc thì không đồng ý ly hôn, vì còn thương anh P. Mặt khác, chị T thừa nhận khi anh P sinh sống tại nhà trọ ở Tiền Giang chị và con chung có đến thăm anh P thì anh P không cho vào nhà trọ, khi chị vào nhà trọ thì thấy trong nhà có vật dụng cá nhân của người phụ nữ khác nên vợ chồng cự cãi nhau và thống nhất bán xe tải để vợ chồng chia tiền. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh P, chị T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lê Chí P được ly hôn với chị Phạm Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Con chung Lê Ngọc Lan A, sinh ngày 28/02/2017 hiện đang sinh sống cùng chị T ổn định, được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, anh Lê Chí P và chị Phạm Thị T thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lan A và anh Lê Chí P cấp dưỡng nuôi con chung Lan A hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi Lan A đủ 18 tuổi. Xét, việc thỏa thuận giữa anh P, chị T là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P, chị T thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN về quan hệ hôn nhân, về việc nuôi dưỡng con chung là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với nhận định về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận là chưa phù hợp, vì anh P, chị T đã thỏa thuận tự chia tài sản chung xong trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên tài sản chung đã không còn, về nợ chung anh P, chị T đều thống nhất trình bày không có, chỉ có anh P nợ dì của chị T. Do đó, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh P, chị T là không có.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Lê Chí P chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003905 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, anh P còn phải nộp tiếp 300.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Chí P. Cho anh Lê Chí P được ly hôn với chị Phạm Thị T.

2. Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Chí P và chị Phạm Thị T.

2.1. Chị Phạm Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Ngọc Lan A, sinh ngày 28/02/2017.

2.2 Anh Lê Chí P cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc Lan A, sinh ngày 28/02/2017 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do

Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi Lan A đủ 18 tuổi.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Chí P chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003905 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, anh P còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2022).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung